TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 12/4/2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm *tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 20234 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2023/QĐST-DS ngày 25/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà H có mặt. Ông N, bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào năm 2016, bà có tham gia chơi hụi do ông Nguyễn Thanh N làm chủ hụi, bà là hụi viên. Bà tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/5/2016 Âl, có 18 phần, bà tham gia 02 phần, hụi đã mãn vào ngày 20/11/2017 (âm lịch). Bà hốt hụi chót với số tiền là 96.000.000 đồng, trừ tiền thảo 02 phần hụi là 3.000.000 đồng, còn lại 93.000.000 đồng. Ngày 17/12/2017 âm lịch, bà P là vợ ông N có giao cho bà số tiền hụi là 40.000.000 đồng, còn nợ lại 53.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà P trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại nhưng ông N, bà P không thực hiện. Bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà P trả nợ, tại buổi hòa giải ngày 28/02/2020, ông N hứa và viết tờ cam kết mỗi tháng trả cho bà sốt tiền 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, thời gian bắt đầu trả tiền từ ngày 30/3/2020 âm lịch. Hàng tháng ông N có thực hiện trả tiền cho bà như cam kết nhưng không đầy đủ. Tính đến nay ông N đã trả thêm cho bà được số tiền 13.450.000 đồng, còn nợ lại 39.550.000 đồng. Bà đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông N, bà P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ còn lại nhưng ông N, bà P hứa hẹn nhiều lần không trả.

Nay bà yêu cầu ông N, bà P có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 39.550.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông N, bà P vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với ông Nguyễn Thanh N về việc tranh chấp hụi.

Buộc ông Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị H số tiền nợ hụi là 39.550.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ P có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh N trả số tiền nợ nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Mỹ P, cùng cư trú tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà H yêu cầu ông N, bà P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi còn lại của dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/5/2016 âm lịch với số tiền là 39.550.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Theo bà H trình bày, sau khi mãn hụi bà hốt hụi chót được số tiền 93.000.000 đồng (đã trừ tiền thảo). Ông N, bà P chỉ trả cho bà được số tiền là 53.450.000 đồng, số tiền còn lại bà đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà P tiếp tục trả nhưng không thực hiện.

[2.1] Chứng cứ bà H cung cấp là danh sách hụi viên thể hiện bà H có tham gia chơi 02 phần hụi, dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/5/2016 âm lịch. Ông N là người mở dây hui và có ký, ghi họ tên ông Nguyễn Thanh N. Như vậy, có căn cứ xác định bà H có tham gia 02 phần hụi nêu trên của ông N. Ngày 20/11/2017 âm lịch mãn hụi bà H hốt hụi chót được số tiền 93.000.000 đồng (đã trừ tiền thảo). Tại giấy viết tay, ngày 17/12/2017, bà P là vợ ông N có trả cho bà H số tiền hụi 40.000.000 đồng, bà P có ký tên và ghi họ tên. Ngày 01/7/2019, ông N, bà P có viết giấy cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả cho bà H số tiền còn nợ, giấy có chữ ký và ghi họ tên của ông N, bà P. Ngày 28/02/2020, ông N tiếp tục viết giấy "Tờ cam kết" có nội dung hai bên thống nhất số tiền nợ hụi còn lại là 53.000.000 đồng. Bà H đồng ý cho ông N trả mỗi tháng 3.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 30/3/2020 cho đến khi trả hết nợ, giấy có chữ ký và ghi họ tên ông N. Tuy nhiên, đến tháng 7/2023 ông N chỉ trả cho bà H được số tiền 13.450.000 đồng, còn nợ lại 39.550.000 đồng, ông N không tiếp tục trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông N có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi còn lại

39.550.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên nên ghi nhận.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà H yêu cầu bà P có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả nợ. Xét thấy, tại phiên tòa bà H xác định ông N và bà P đã ly hôn nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N trả nợ, không yêu cầu bà P có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả nợ. Đây là sự tự nguyện của bà H phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này là phù hợp.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ được chấp nhận. Buộc ông N có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ hụi là 39.550.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà P có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 39.550.000 đồng x 5% = 1.977.500đ (Một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H đối với ông Nguyễn Thanh N về việc tranh chấp hụi.

Buộc ông Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị H số tiền nợ hụi là 39.550.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Dương Thị H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ P có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh N trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu số tiền là 1.977.500đ (Một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Dương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 988.000đ (Chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0002622 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang